

Bản án số: 02/2023/DS-PT
Ngày: 10/01/2023
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán:

Bà Nông Biên Hòa

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Chung Thị Bích Phượng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2022/TLPT-DS ngày 12/10/2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 117/ 2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vi Văn A, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Người được nguyên đơn ủy quyền: Bà Lý Thị H, sinh năm 1984 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Lương Thị B, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lương Thị B: Bà Hoàng Thị C-trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hứa Văn D, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Tập thể Xóm M, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện: Ông Vi Quốc E – Bí thư Chi bộ, Trưởng xóm.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Vi Thị F, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp O, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

+ Bà Vi Thị G, sinh 1982; địa chỉ: Xóm Ấp P, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà F, bà G : Bà Lý Thị H

Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. -

Người làm chứng:

+ Bà Lý Thị I, sinh năm 1969.

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1981.

+ Ông Lương Hoàng L, sinh năm 1965 .

Cùng địa chỉ: xóm M, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Tất cả người làm chứng vắng mặt không lý do

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lương Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay phía người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:* Gia đình bà được thừa kế mảnh đất rừng có tên thường gọi là Pú Dầm, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hòa An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00057 ngày 25 tháng 02 năm 2004 tại thửa đất số 41, diện tích 17.400m² mang tên Triệu Văn Q. Năm 2018 ông Triệu Văn Q chết, đến năm 2019 bà Lương Thị B, trú tại xóm M, xã N, huyện Hòa An đã lấn chiếm vào diện tích đất rừng của gia đình bà, cụ thể là chặt phá cây rừng tự nhiên và đốt để trồng cây keo.

Từ khi gia đình bà phát hiện bà B chiếm vào đất rừng của gia đình được cấp quyền sử dụng đất thì đã nói với gia đình bà B và báo cơ quan chức năng can thiệp nhưng bà B vẫn tiếp tục chặt phá. Sau đó bà làm đơn gửi vào xóm để giải quyết nhưng bà B vẫn khẳng khái là đất của bà nên hòa giải không thành. Nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà B phải trả lại phần đất đã lấn chiếm vào diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Triệu Văn Q, ông Q là bố đẻ của ông A, hiện nay ông A là người thừa kế hợp pháp. Bà cũng tham khảo ý kiến của người già trong làng thì họ khẳng định bà B không có đất ở rừng Pú Dầm, trước khi bà B trồng keo thì bà có thấy bà B và người ở trong làng lên lấy củi ở chỗ đất tranh chấp. Bà khẳng định chỗ đất tranh chấp nằm trong GCNQSDĐ mang tên Triệu Văn Q, phần đất hiện nay gia đình quản lý là liền mạch phần tiếp giáp với khu nghĩa địa có hào do bộ đội đào, phần tiếp giáp với ông Chẹn có khe rừng. Trước đây gia đình neo người nhưng vẫn đi

quản lý phần đất tranh chấp, trên phần đất tranh chấp trước khi bà B trồng keo thì có các bụi rậm cây guột và các cây rừng tự nhiên.

Năm 2019 bà B phát rừng tự nhiên trồng keo, diện tích bà B trồng ước tính khoảng 2000m², việc trồng keo của bà B không liên tục phát được chỗ nào thì trồng chỗ đấy, cây keo hiện nay đường kính khoảng 7-8 cm.

Nay bà yêu cầu bà B chặt bỏ cây keo và trả lại phần đất đã lấn chiếm đồng thời buộc bà B phải bồi thường thiệt hại về những cây tự nhiên mà bà B đã chặt trước khi trồng cây keo đồng thời yêu cầu bà B phải chịu một phần chi phí đo đạc khi thẩm tại chỗ.

* Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phía bị đơn Lương Thị B trình bày: Phần đất mà bà đã trồng keo thì trước đây khoảng những năm 1982 bà đã quản lý, canh tác sử dụng để trồng hoa màu ở phía trên còn đất của ông Q thì ở phía dưới có những bụi tre gai trồng ngang trong thửa đất làm ranh giới ngăn cách đến năm 1985 thì bà không trồng nữa mà để cây rừng mọc tự nhiên. Năm 1998 bà có trồng khoảng 30 cây thông, khi cây lớn đến năm 2005 cháy rừng nên cháy hết phần cây thông bà đã trồng, sau đó chỗ đất đấy bà để cây rừng tự nhiên mọc. Năm 2019 bà đã phát dọn và trồng cây keo xuống chỗ đất tranh chấp, tại thời điểm bà dọn dẹp thì gia đình bà H không có ý kiến gì, bà trồng được một năm thì gia đình bà H mới báo là bà lấn chiếm. Thực tế bà chỉ trồng keo trên phần đất của bà chứ bà không trồng xuống phía dưới những bụi tre là ranh giới giữa đất của bà và đất của ông Q nên bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Phía người được nguyên đơn ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, yêu cầu phía bị đơn phải trả lại phần đất đã lấn chiếm hiện nay đã trồng keo có diện tích khoảng 2.210,8m², yêu cầu bị đơn phải chịu một phần chi phí đo đạc khi thẩm tại chỗ. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây tự nhiên mà bị đơn đã chặt phá với số tiền khoảng 3.000.000 đồng thì nguyên đơn rút yêu cầu này tại phiên tòa.

Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và khẳng định phần đất bị đơn đã trồng keo là phần đất trước đây bị đơn đã canh tác, không phải là phần đất dưới những bụi tre trồng hàng ngang do vậy bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có ý kiến không có đề nghị gì đối với phần diện tích thửa đất tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng và quyết định sửa chữa bổ sung bản án

số 06/2022/QĐ-SCBSBA ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An đã căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 129, Điều 166, Điều 221, Điều 275, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 12, Điều 100, Điều 125, Điều 203, Điều 210 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn A về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn bà Lương Thị B.

Buộc bị đơn Lương Thị B phải khai thác cây cối đã trồng trên đất tranh chấp để trả lại phần đất đang tranh chấp có diện tích 2.102,1m² tại thửa đất số 41 tờ bản đồ GDLN cho nguyên đơn Vi Văn A.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phân chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 08/9/2022, bị đơn Lương Thị B có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Lương Thị B giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: những người làm chứng gần khu đất tranh chấp đều biết nguồn gốc đất thuộc gia đình tôi nhưng Tòa án sơ thẩm chưa xem xét đến lời khai của người làm chứng là thiếu sót. Thực tế UBND huyện Hòa An đã cấp GCNQSDĐ cho ông Q chồng lần lên đất của gia đình tôi đang quản lý, sử dụng. Bỏ rõ ràng giữa đất nhà tôi và gia đình ông Q có hàng tre làm ranh giới đất. Bà B Đề nghị HĐXX xem xét lại bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lý Thị H không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị B, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nhất trí với bản án sơ thẩm và Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vi Thị F, Vi Thị G có ý kiến: Giao mọi quyền định đoạt về tài sản đối với phần đất của ông Triệu Văn Q cho anh trai Vi Văn A, chị dâu Lý Thị H và ủy quyền cho bà Lý Thị H tham gia phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hoàng Thị C có ý kiến: Qua xem xét hồ sơ thì bà B không có đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bà B có quá trình quản lý sử dụng đất, trồng màu từ 1982 đến 1985, sau đó để cây mọc tự nhiên, tuy nhiên do diện tích ít nên không kê khai

cấp bì đỏ, đến 2005 đất rừng bị cháy, đến 2019 thì xảy ra tranh chấp, đến 2021 thì biết gia đình ông Q có bì đỏ, tuy nhiên gia đình không được ký giáp ranh. Đơn khởi kiện không có diện tích tranh chấp nhưng sau khi thẩm định thì đã xác định được diện tích tranh chấp hơn 2.102,1m². Phần diện tích đất tại thửa số 40, 48 có diện tích khoảng 1025m² hiện bà B đang quản lý sử dụng, thực tế không tranh chấp với ai, đề nghị HĐXX cho bà B được quyền quản lý, sử dụng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Kháng cáo của bà Lương Thị B không có căn cứ, tuy nhiên tại Tòa án phúc thẩm bà B có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm định, hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn Lương Thị B.*

Nội dung kháng cáo: Bà B cho rằng quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm có nhiều thiếu sót: không xem xét đến lời khai của những người làm chứng gần khu đất tranh chấp để xác định nguồn gốc đất, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Triệu Văn Q của cơ quan chuyên môn là không đúng quy định của pháp luật. Do vậy bà B đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy GCNQSDĐ ngày 25/02/2004 do UBND huyện Hòa An cấp cho gia đình ông Triệu Văn Q và công nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà B.

Quá trình nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Về nguồn gốc đất: Bị đơn cho rằng phần đất mà bà đã trồng keo thì trước đây khoảng những năm 1982 bà đã quản lý, canh tác sử dụng để trồng hoa màu diện tích khoảng 1.000m² ở phía trên, còn đất của ông Q thì ở phía dưới có những

bụi tre gai trồng ngang trong thửa đất làm ranh giới ngăn cách, đến năm 1985 bà thôi không canh tác mà để những cây tự nhiên mọc để phát triển thành rừng. Năm 1998 bà có trồng khoảng 30 cây thông, khi cây lớn đến năm 2005 cháy rừng, nên cháy hết phần cây thông bà đã trồng, sau đó chỗ đất đấy bà tiếp tục để cây rừng tự nhiên mọc, tại thời điểm được thông báo để kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997 thì do diện tích ít nên bị đơn không đi kê khai, tuy nhiên bị đơn không có giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh cho việc này. Qua xác minh tại cơ sở thì năm 1994 khi triển khai dự án phát triển nông thôn Cao Bằng – Bắc Kạn thì ông Triệu Văn Q có đơn nhận khoanh nuôi bảo vệ rừng tại khu đất có phần đất tranh chấp. Đối với bị đơn thì năm 1994 thời điểm đấy bị đơn cũng không canh tác nên không có đăng ký nhận khoanh nuôi bảo vệ rừng, đến năm 1997 khi làm thủ tục kê khai đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị đơn cũng không kê khai vì bị đơn cũng không canh tác, như vậy có thể thấy bị đơn đã không canh tác thửa phần đất tranh chấp từ thời điểm năm 1985.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2022 đối với phần đất tranh chấp giữa hai gia đình, cơ quan chuyên môn đã xác định được phần đất tranh chấp giữa các đương sự nằm chồng lấn giữa 3 thửa đất 40, 41, 48 theo tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp. Trong đó diện tích của phần đất tranh chấp do nguyên đơn chỉ theo sơ đồ trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật, tài nguyên môi trường tỉnh Cao Bằng cung cấp là 2.102,1m², phần diện tích này nằm hoàn toàn trong GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông Triệu Văn Q. Về phần Diện tích tranh chấp do bị đơn chỉ theo sơ đồ trích đo địa chính khu đất tranh chấp của Trung tâm kỹ thuật, tài nguyên môi trường tỉnh Cao Bằng đo đạc là 3.376m². Căn cứ trên bản đồ giao đất lâm nghiệp thì xác định phần đất tranh chấp nằm trên thửa 40 có diện tích 1.025,5m² đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Hứa Văn D và phần đất tranh chấp nằm trên thửa 48 có diện tích 248,8m² của tập thể xóm M, N, Hòa An, Cao Bằng. Tuy nhiên qua việc lấy lời khai của ông Hứa Văn D, ông Vi Quốc E đại diện xóm M thì khẳng định thực tế hiện trạng thửa đất tại thửa 40, 48 có ranh giới rõ ràng và không có tranh chấp với phần đất của ông Vi Văn A và bà Lương Thị B.

Từ những căn cứ đã thu thập được ở trên HĐXX nhận thấy: phần diện tích đất tranh chấp mà Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Vi Văn A có diện tích 2.102,1m² đất tranh chấp nằm hoàn toàn trong GCNQSDĐ của hộ ông Triệu Văn Q (bố đẻ ông A) đã được cấp năm 2004; quá trình quản lý sử dụng bị đơn không đăng ký xin cấp GCN và cũng không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đối với phần đất có tranh chấp hoặc phần đất tiếp giáp với thửa đất số 41 của ông Triệu Văn Q. Mặt khác phần diện tích đất mà bị đơn khai đã được

quản lý sử dụng với phần diện tích bị đơn chỉ ranh giới đo đạc phần đất tranh chấp có sự mâu thuẫn nhau bởi lẽ bị đơn khi đã từng sử dụng khoảng 1000m² tuy nhiên khi đo đạc lại xác định được với 3.376m². Ngoài ra phần đất các bên chỉ ranh giới đo đạc thể hiện trên bản đồ có một phần nằm trong thửa 40 và thửa 48, tuy nhiên qua lời khai của ông Hứa Văn D và người đại diện của nhân dân xóm M là ông Vi Văn E cho rằng tại ngoài thực địa không có sự tiếp giáp giữa phần đất tranh chấp và phần đất tại thửa 40, 48 đã đo đạc. Do đó HĐXX phúc thẩm xét thấy Tòa án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn A đối với phần diện tích 2.102,1m² là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, bởi diện tích đất này nằm trong phần đất mà bố ông A đã được cấp giấy chứng nhận quyền đất. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn Lương Thị B kháng cáo nhưng không có tài liệu bổ sung để bảo vệ yêu cầu kháng cáo của mình, do vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy GCNQSDĐ mang tên ông Triệu Văn Q. HĐXX phúc thẩm xét thấy quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm thì bà B không có yêu cầu phản tố hủy GCNQSDĐ đứng tên ông Triệu Văn Q, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết. Nên HĐXX phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét yêu cầu hủy GCNQSDĐ của bà B.

Quá trình thụ lý, giải quyết tại cấp sơ thẩm xác định được anh Vi Văn A, bà Vi Thị F và Vi Thị G là con của ông Q và bà Niép. Sau khi ông Q bà Niép chết thì tài sản của ông Q bà Niép sẽ thuộc quyền sở hữu của các con ông Q, phần đất tranh chấp ông Q được cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, quá trình giải quyết vụ án lẽ ra cấp sơ thẩm nên đưa cả 3 người con ông Q vào tham gia tố tụng, tuy nhiên khi anh Vi Văn A nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp đất đai với bà B thì cấp sơ thẩm phải đưa chị Vi Thị F và Vi Thị G vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì mới đảm bảo được quyền lợi cho các bên đương sự, việc đưa thiếu người tham gia tố tụng tại tòa là thiếu sót nghiêm trọng. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm đã đưa chị F và chị G vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngày 09/01/2023 chị Vi Thị F và chị Vi Thị G đã có văn bản ủy quyền cho chị Lý Thị H tham gia tố tụng và đã có văn bản từ chối nhận tài sản của ông Q, do đó cấp phúc thẩm đã giải quyết vắng mặt. Xét thấy việc thiếu sót của cấp sơ thẩm đã được cấp phúc thẩm khắc phục nên không cần thiết phải hủy vụ án nhưng cũng cần nhắc nhở để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên có đủ căn cứ để bác kháng cáo của bị đơn. Quan điểm bảo vệ của trợ giúp viên pháp lý cho bị đơn không có căn

cứ để chấp nhận. Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với quan điểm của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, bởi bà B là người cao tuổi. Xét thấy yêu cầu của bà là phù hợp với điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 nên cần miễn án phí cho bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận 1 phần đơn kháng cáo của bà Lương Thị B. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng về phần án phí.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn A về việc buộc bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất.

2. Buộc bị đơn Lương Thị B phải khai thác cây cối đã trồng trên đất tranh chấp, để trả lại phần đất đang tranh chấp có diện tích 2.102,1m² tại thửa đất số 41 tờ bản đồ GĐLN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 750497 đứng tên hộ ông Triệu Văn Q cho nguyên đơn Vi Văn A.

3. Về Chi phí tố tụng: Buộc bị đơn bà Lương Thị B phải thanh toán chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng) cho ông Vi Văn A.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, ngày anh A có đơn yêu cầu yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bà B chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về phần án phí: Bà B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà B 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003632 ngày 15/9/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Anh A không phải chịu án phí sơ thẩm, Trả lại cho nguyên đơn Vi Văn A số tiền đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại Biên lai thu số 0003511 ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS huyện Hòa An;
- TAND huyện Hòa An;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như